

Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ24,600
Tiềm năng tăng/giảm: 6.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (26/7/2024)	23,150
Mã Bloomberg	HSG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,175-25,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	22,870
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	14,260
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	563
Slg CP lưu hành (tr.đv)	616
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	302
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.6%
Tỷ lệ freefloat	51.6%
Cổ đông lớn	HSIT (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg9	09-23A	09-24F	09-25F
DT thuần (tỷ đồng)	31,651	38,884	43,583
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,308	1,942	2,426
LNTT (tỷ đồng)	146	1,019	1,451
LNT ĐC (tỷ đồng)	27.9	817	1,070
FCF (tỷ đồng)	1,492	959	804
EPS ĐC (đồng)	45.3	1,326	1,737
DPS (đồng)	500	500	1,000
BVPS (đồng)	17,475	17,303	18,040
T.trưởng EBITDA (%)	(25.0)	48.5	24.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	(88.4)	2,827	31.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.13	4.99	5.57
Tỷ suất LNTT (%)	0.46	2.62	3.33
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.09	2.26	2.64
Tỷ lệ LN trả CT (%)	1,026	35.1	53.5
Nợ thuần/VCSH (%)	23.1	28.1	26.9
ROAE (%)	0.28	8.20	10.6
ROACE (%)	1.62	8.08	12.4
EV/doanh thu (lần)	0.52	0.44	0.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.7	8.79	7.02
P/E ĐC (lần)	511	17.5	13.3
P/B (lần)	1.32	1.34	1.28
Lợi suất cổ tức (%)	2.16	2.16	4.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HSG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành thép Việt Nam với hệ thống phân phối rộng khắp. Các sản phẩm chính của HSG bao gồm tôn thép, ống thép và ống nhựa.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/NĐTC 2023-2024: Lợi nhuận thuần tăng 20 lần so với cùng kỳ, sát với dự báo

- HSG đã công bố KQKD Q3/NĐTC 2023-2024 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) với lợi nhuận thuần đạt 273 tỷ đồng (tăng 20 lần so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với quý trước) trên doanh thu thuần 10,8 nghìn tỷ đồng (tăng 25% so với cùng kỳ). KQKD trong quý báo cáo sát với dự báo của HSC, với lợi nhuận và doanh thu thuần lần lượt ở mức 259 tỷ đồng và 10,3 nghìn tỷ đồng.
- Loại trừ các khoản thu nhập không thường xuyên, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi Q3/NĐTC 2023-2024 đạt 256 tỷ đồng, tăng 8 lần so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với quý trước. Lợi nhuận tăng (so với cùng kỳ) nhờ doanh thu tăng mạnh 38% và tỷ suất lợi nhuận cải thiện. KQKD giảm so với quý trước do lãi tỷ giá giảm và chi phí tài chính tăng.
- Với kết quả trên, HSG đạt 79% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2023-2024 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) của chúng tôi.
- Giá cổ phiếu HSG giảm 8% trong 1 tháng qua và chúng tôi đang xem xét khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/NĐTC 2023-2024

Ngày 25/7/2024, HSG công bố KQKD Q3/NĐTC 2023-2024 với lợi nhuận thuần đạt 273 tỷ đồng (so với lợi nhuận chỉ 14 tỷ đồng trong cùng kỳ năm ngoái). Với kết quả trên, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu NĐTC 2023-2024 đạt 696 tỷ đồng (9 tháng đầu NĐTC 2022-2023 ghi nhận lỗ thuần 410 tỷ đồng), hoàn thành 79,2% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC 2023-2024 của chúng tôi ở mức 878 tỷ đồng.

Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi trong Q3/NĐTC 2023-2024 đạt 256 tỷ đồng, tăng 8 lần so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với quý trước do chi phí lãi vay tăng (tăng 37% so với quý trước) và tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ (giảm 1 điểm phần trăm so với quý trước). Chi tiết như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) & 9 tháng đầu năm 2024, HSG

Lợi nhuận thuần Q3/2024 sát với dự báo, tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý trước

Tỷ đồng	Q3/2024	% so với cùng kỳ	% sv quý trước	9T2024	% so với cùng kỳ
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	527,287	38.1%	15.1%	1,441,972	39.6%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	20.6	-9.2%	1.8%	20.2	-11.3%
Doanh thu	10,840	25.4%	17.2%	29,163	23.9%
Tỷ suất lợi nhuận gộp 'cốt lõi'	12.3%	+2%	-1 %	12.0%	+6%
Chi phí BH&QL	1,030	23%	13%	2,782	23.8%
Chi phí BH&QL/Doanh thu	9.5%	-0.2%	-0.4%	9.5%	Đi ngang
Lợi nhuận HĐ tài chính	(34)	34%	-135%	56	Đảo chiều
Lợi nhuận thuần – công bố	273	1833%	-14%	696	Đảo chiều
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	256	704%	-11%	621	Đảo chiều

Nguồn: HSG, HSC

Sản lượng tiêu thụ tăng mạnh thúc đẩy tăng trưởng doanh thu

HSG công bố doanh thu thuần Q3/NĐTC 2023-2024 ở mức 10,8 nghìn tỷ đồng (tăng 25% so với cùng kỳ và tăng 17% so với quý trước), cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 10,3 nghìn tỷ đồng. Trong đó:

- Sản lượng tiêu thụ tăng mạnh 38% so với cùng kỳ và tăng 15% so với quý trước đạt 527.287 tấn (bao gồm sản phẩm thép và ống nhựa).
- HSC cũng dự báo giá bán bình quân Q3/NĐTC 2023-2024 ở mức 20,6 triệu đồng/tấn, giảm 9% so với cùng kỳ (do giá nguyên vật liệu (HRC) đầu vào giảm) nhưng tăng 2% so với quý trước.

Theo đó, doanh thu thuần 9 tháng đầu NĐTC 2023-2024 đạt 29,2 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ và hoàn thành 75% dự báo doanh thu thuần cho NĐTC 2023-2024 của chúng tôi ở mức 38,9 nghìn tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận tăng, thúc đẩy chuyển biến tích cực về lợi nhuận

Lợi nhuận thuần Q3/NĐTC 2023-2024 của HSG tăng mạnh, đạt 273 tỷ đồng (lợi nhuận thuần Q3/NĐTC 2022-2023 ở mức 14 tỷ đồng) nhờ sự kết hợp giữa sản lượng tiêu thụ tăng mạnh (38% so với cùng kỳ), tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm, tỷ suất lợi nhuận gộp mở rộng (tăng 2 điểm phần trăm) lên 12,3% (nhờ chi phí đầu vào giảm).

Theo đó, lợi nhuận gộp Q3/NĐTC 2023-2024 đạt 1.337 tỷ đồng (tăng 50% so với cùng kỳ) trong khi chi phí bán hàng & quản lý được ghi nhận ở mức 1.030 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ), tạo ra tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt mức 9,5% (so với 9,7% cùng kỳ năm ngoái). Cụ thể, HSG ghi nhận 34 tỷ đồng lỗ tài chính (giảm 34% so với cùng kỳ) nhờ doanh thu HĐ tài chính tăng.

Mặc dù lợi nhuận tăng mạnh so với cùng kỳ, tuy nhiên lại giảm 14% so với quý trước, chủ yếu là do chi phí lãi vay tăng cao (tăng 37% so với cùng kỳ) và không ghi nhận lãi tỷ giá trong giai đoạn này. Xin nhắc lại, HSG ghi nhận 124 tỷ đồng lãi tỷ giá trong Q2/NĐTC 2023-2024, trong khi quý vừa qua, lãi tỷ giá của Công ty chỉ đạt 4 tỷ đồng.

Lưu ý, trong Q2/NĐTC 2023-2024, HSG cũng đã trích lập dự phòng hàng tồn kho 107 tỷ đồng, nhưng trong quý vừa qua, Công ty không trích lập dự phòng. Loại trừ các khoản thu nhập không thường xuyên, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi trong Q3/NĐTC 2023-2024 đạt 256 tỷ đồng, tăng 8 lần so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với quý trước, cũng do chi phí lãi vay tăng cao.

Với kết quả trên, lợi nhuận thuần/lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi 9 tháng đầu NĐTC 2023-2024 đạt lần lượt 696 tỷ đồng và 621 tỷ đồng (so với lỗ thuần và lỗ thuần HĐKD cốt lõi lần lượt ở mức 410 tỷ đồng và 920 tỷ đồng trong 9 tháng NĐTC/2022-2023). HSG đã hoàn thành 79,2% dự báo lợi nhuận thuần cho NĐTC/2023-2024 của chúng tôi ở mức 878 tỷ đồng, gần như sát với dự báo. Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo KQKD cho NĐTC/2023-2024, với lợi nhuận thuần đạt 878 tỷ đồng (tăng trưởng 29 lần) trên doanh thu thuần 38,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 23%).

Bảng CĐKT

Tính đến cuối Q3/NĐTC 2023-2024, tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH giảm xuống 0,49 lần so với 0,52 lần được ghi nhận trong quý trước đó, nhờ nợ ngắn hạn giảm (5,9 nghìn tỷ đồng, giảm 4% so với quý trước).

Liên quan đến số dư hàng tồn kho, HSG ghi nhận 10,2 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/NĐTC 2023-2024, giảm 15% so với quý trước. Cụ thể, giá trị nguyên vật liệu đạt 5,5 nghìn tỷ đồng và tương đương 1,73 tháng sản xuất, giảm mạnh so với mức 2,56 tháng của quý trước đó. Điều này sẽ giúp công ty giảm thiểu rủi ro phải dự phòng thêm hàng tồn kho trong các quý tới do giá HRC giảm trong thời gian gần đây.

Với việc giảm tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH và mức tồn kho thấp, chúng tôi đánh giá đây là một tín hiệu tích cực trong công tác quản lý vận hành.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

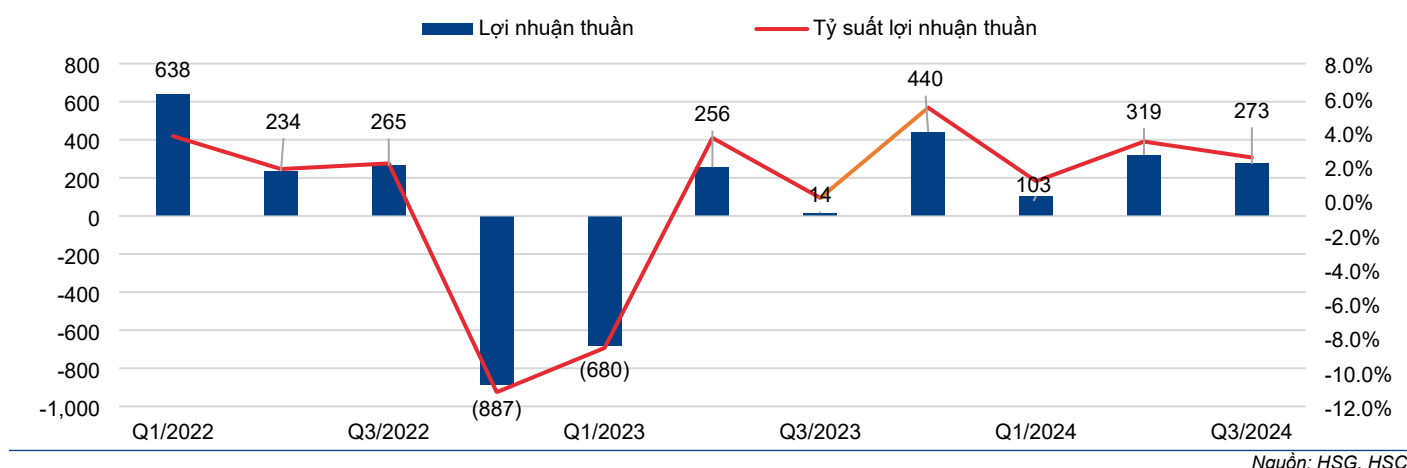
Sau khi giá cổ phiếu giảm 8% trong 1 tháng qua, HSG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,4 lần, thấp hơn so với bình quân từ tháng 10/2017 ở mức 19,3 lần. Chúng tôi lưu ý rằng dữ liệu P/E trong năm 2022-2023 cao do lợi nhuận trong giai đoạn này thấp. Do đó, HSC sử dụng dữ liệu trước dịch COVID để so sánh rõ hơn trong trường hợp này. Theo tính toán của chúng tôi, P/E bình quân trước dịch COVID là 15 lần. Cổ phiếu HSG được giao dịch ở mức tương đối thấp dựa trên cơ sở này.

Về định giá P/B, HSG đang có P/B dự phóng năm 2024-2025 lần lượt là 1,34 lần và 1,28 lần, cao hơn bình quân 8 năm ở mức 1,2 lần. Tuy nhiên, bảng CĐKT và HĐKD của HSG đã trở nên ổn định và vững chắc hơn trong thời gian gần đây.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Biểu đồ 2: KQKD hàng quý, HSG

Lợi nhuận đang trên đà cải thiện so với quý trước mặc dù kết quả thực hiện trong Q3/2024 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9) thấp hơn một chút so với quý trước



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
Doanh thu	49,711	31,651	38,884	43,583	49,353
Lợi nhuận gộp	4,939	3,061	4,485	5,492	6,921
Chi phí BH&QL	(4,355)	(2,884)	(3,616)	(4,140)	(4,787)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	584	177	869	1,352	2,134
Lãi vay thuần	(254)	(80.7)	93.2	13.8	9.68
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	51.4	49.9	57.0	85.2	96.5
LNTT	381	146	1,019	1,451	2,240
Chi phí thuế TNDN	(130)	(116)	(141)	(300)	(618)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.02	(0.05)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	251	30.0	878	1,151	1,622
Lợi nhuận thuần ĐC	234	27.9	817	1,070	1,509
EBITDA ĐC	1,744	1,308	1,942	2,426	2,924
EPS (đồng)	420	48.7	1,426	1,868	2,633
EPS ĐC (đồng)	391	45.3	1,326	1,737	2,449
DPS (đồng)	0	500	500	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	598	616	616	616	616
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	598	616	616	616	616
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	598	616	616	616	616

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
Tiền & tương đương tiền	330	597	1,305	1,402	1,972
Đầu tư ngắn hạn	8.70	26.2	36.6	47.6	61.9
Phải thu khách hàng	1,452	2,322	2,722	3,487	3,701
Hàng tồn kho	7,395	7,629	9,332	10,024	10,858
Các tài sản ngắn hạn khác	649	701	972	1,090	1,234
Tổng tài sản ngắn hạn	9,835	11,275	14,368	16,049	17,827
TSCĐ hữu hình	5,755	4,833	3,754	2,710	1,962
TSCĐ vô hình	204	187	196	206	216
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	621	531	558	558	558
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	611	539	644	719	808
Tổng tài sản dài hạn	7,190	6,090	5,152	4,193	3,545
Tổng cộng tài sản	17,025	17,365	19,520	20,243	21,372
Nợ ngắn hạn	4,070	2,936	4,128	4,190	4,243
Phải trả người bán	1,040	2,885	3,888	3,922	3,948
Nợ ngắn hạn khác	625	433	429	555	658
Tổng nợ ngắn hạn	6,009	6,569	8,827	9,093	9,327
Nợ dài hạn	117	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	117	0.71	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6,142	6,585	8,846	9,114	9,351
Vốn chủ sở hữu	10,868	10,764	10,658	11,112	12,005
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.0	16.1	16.1	16.1	16.1
Tổng vốn chủ sở hữu	10,884	10,780	10,674	11,128	12,021
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,025	17,365	19,520	20,243	21,372
BVPS (đ)	18,171	17,475	17,303	18,040	19,489
Nợ thuần*/(tiền mặt)	3,857	2,339	2,823	2,788	2,271

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
EBIT	584	177	869	1,352	2,134
Khấu hao	(1,160)	(1,131)	(1,073)	(1,074)	(790)
Lãi vay thuần	(254)	(80.7)	93.2	13.8	9.68
Thuế TNDN đã nộp	(385)	(54.1)	(102)	(218)	(448)
Thay đổi vốn lưu động	1,068	1,238	(674)	(1,441)	(1,557)
Khác	274	(629)	32.7	99.0	106
LCT thuần từ HKKD	2,845	1,866	1,038	891	1,038
Đầu tư TS dài hạn	(463)	(374)	(78.2)	(87.2)	(98.7)
Góp vốn & đầu tư	8.08	(17.6)	4.72	11.0	15.2
Thanh lý	47.0	41.6	62.4	62.4	62.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(408)	(350)	(11.0)	(13.9)	(21.0)
Cổ tức trả cho CSH	(0.39)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	49.0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(2,699)	(1,251)	(288)	(757)	(431)
Khác	0.15	(0.01)	(30.7)	(23.5)	(16.3)
LCT thuần từ HĐTC	(2,651)	(1,251)	(318)	(781)	(447)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	493	330	597	1,305	1,402
LCT thuần trong kỳ	(215)	265	708	96.6	570
Ảnh hưởng của tỷ giá	51.8	1.54	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	330	597	1,305	1,402	1,972
Dòng tiền tự do	2,381	1,492	959	804	940

Các chỉ số tài chính	09-22A	09-23A	09-24F	09-25F	09-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.93	9.67	11.5	12.6	14.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.51	4.13	4.99	5.57	5.92
Tỷ suất LNT (%)	0.51	0.09	2.26	2.64	3.29
Thuế TNDN hiện hành (%)	34.1	79.4	13.8	20.7	27.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	2.02	(36.3)	22.9	12.1	13.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(72.3)	(25.0)	48.5	24.9	20.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(94.2)	(88.1)	2,827	31.0	41.0
Tăng trưởng EPS (%)	(95.2)	(88.4)	2,827	31.0	41.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.2)	(88.4)	2,827	31.0	41.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	100	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	1,026	35.1	53.5	38.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	2.32	0.28	8.20	10.6	14.0
ROACE (%)	5.02	1.62	8.08	12.4	18.4
Vòng quay tài sản (lần)	2.28	1.84	2.11	2.19	2.37
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	4.87	10.6	1.19	0.66	0.49
Số ngày tồn kho	60.3	97.4	99.0	96.1	93.4
Số ngày phải thu	11.8	29.6	28.9	33.4	31.8
Số ngày phải trả	8.48	36.8	41.3	37.6	34.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	37.3	23.1	28.1	26.9	20.8
Nợ/tài sản (%)	25.7	17.7	22.0	21.7	20.9
EBIT/lãi vay (lần)	2.30	2.19	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.51	2.35	2.22	1.81	1.53
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.64	1.72	1.63	1.77	1.91
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.36	0.52	0.44	0.39	0.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.1	12.7	8.79	7.02	5.64
P/E (lần)	55.1	475	16.2	12.4	8.79
P/E ĐC (lần)	59.2	511	17.5	13.3	9.45
P/B (lần)	1.27	1.32	1.34	1.28	1.19
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.16	2.16	4.32	4.32

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn